

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 700/2021/LĐ-PT
Ngày: 17 - 12 - 2021
V/v “Tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Ngọc Tài

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Lâm Hỷ Ngọc - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 26/2021/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, về việc: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 22/2021/LĐ-ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4072/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9268/2021/QĐ-PT ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Ngô Tuyết T, sinh năm 1982; Cư trú tại: 478/36 đường H, Tuyết E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Liên hệ tại: 89/25 Đường X, Phường O, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hà T2, sinh năm 1980; Cư trú tại: 89/25 Đường X, Phường O, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 008170 ngày 16/11/2021 tại Văn phòng công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty V

Trụ sở tại: 3C Đường T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Sỹ N, sinh năm 1975; Cư trú tại: 79 Đường P, Phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1975; Cư trú tại: 3C Đường T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 2501/2021/POA-LG ngày 29/01/2021 của Công ty V) (có mặt).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn là bà Trịnh Ngô Tuyết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng sơ thẩm, nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T có người đại diện ủy quyền là ông bà Nguyễn Thị Hà T2 trình bày:

Ngày 01/7/2018, bà Trịnh Ngô Tuyết T có ký hợp đồng lao động số 61/2018/EC với Công ty V (gọi tắt là Công ty V), thời hạn của hợp đồng lao động là 03 năm (hết ngày 30/06/2021), chức danh: Trưởng phòng kinh doanh; Mức lương căn bản: 60.500.000 đồng/tháng. Ngày 09/01/2019, hai bên ký phục lục hợp đồng số PL-00061/2018/EC điều chỉnh mức lương cơ bản là 65.340.000 đồng.

Trong quá trình làm việc tại Công ty V, bà T đã luôn hoàn thành tốt công việc được giao (bao gồm công việc của vị trí Trưởng phòng kinh doanh và cả phần công việc của Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng (Customer Service Manager, tuy nhiên, Công ty V lại chưa chi trả cho bà T bất cứ hoa hồng nào liên quan đến phần công việc của Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng - Customer Service Manager).

Bà T có nhiều lần yêu cầu Công ty V xem xét chính sách hoa hồng áp dụng cho bà T, đề nghị Công ty V thanh toán cho bà T những khoản hoa hồng mà bị đơn còn chưa thanh toán (bao gồm phần hoa hồng cho vị trí Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng (Customer Service Manager) nhưng Công ty V hoàn toàn không phản hồi và cũng không chi trả hoa hồng cho bà T.

Ngày 23/08/2019, Công ty V yêu cầu bà T bàn giao tất cả công việc, thu lại toàn bộ máy móc, dữ liệu làm việc và yêu cầu bà T nghỉ việc ngay ngày hôm đó. Sau đó gửi thông báo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động đề ngày 01/9/2019 với bà T, thực tế bà T hoàn toàn không thỏa thuận gì với Công ty V về việc nghỉ việc và cũng không đồng ý nghỉ việc.

Tuy nhiên, Công ty V vẫn bất chấp các phản đối của bà T, buộc bà T nghỉ việc ngay trong ngày thông báo (là ngày 23/08/2019), đồng thời tịch thu lại mọi

phương tiện làm việc, cắt đầu vân tay để bà T không thể đến văn phòng làm việc (do khi đến làm việc thì nhân viên ra/vào bằng đầu vân tay), cắt email làm việc, tịch thu máy tính,... Ngày làm việc tiếp theo bà T đi làm thì bị bảo vệ chặn lại và thông báo rằng Công ty V đã yêu cầu không cho bà T vào văn phòng làm việc.

Việc Công ty V đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trước hạn với bà T mà không có bất kỳ căn cứ nào theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 cũng như không tuân thủ thời hạn báo trước theo khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 là hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012.

Hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật của Công ty V đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải:

Bồi thường cho bà T do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật, cụ thể:

Trả tiền lương cho bà T trong những ngày bà T không được làm việc theo Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động 2012, tạm tính từ ngày 01/9/2019 cho đến ngày 30/06/2021 cộng với ít nhất 2 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động với mức lương tháng là 65.340.000 đồng/tháng số tiền là 1.502.820.000 đồng;

Trả đủ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày bà T không được làm việc theo Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động 2012 tính từ ngày 01/09/2019 đến ngày 30/6/2021 với mức tính là $21,5\% \times 29.800.000 \text{ đồng} \times 21 = 134.547.000 \text{ đồng}$;

Bồi thường cho bà T 05 (năm) tháng tiền lương theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động 2012 là $65.340.000 \times 5 = 326.700.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là 1.964.067.000 đồng.

Thanh toán cho bà T khoản tiền hoa hồng còn chưa thanh toán đủ như sau:

Đối với các căn hộ L: Cho phần công việc của vị trí Customer Service Manager: là 616.334.738 đồng (số lượng căn hộ tính hoa hồng là 396 căn, giai đoạn khách hàng ký hợp đồng đặt cọc) và 618.637.094 đồng (số lượng căn hộ tính hoa hồng là 416 căn, giai đoạn khách hàng ký hợp đồng mua bán).

Căn hộ T: Cho phần công việc của vị trí Sales Manager là 817.393.281 đồng (số lượng căn hộ tính hoa hồng là 472 căn) và cho phần công việc của vị trí CS Manager là 866.975.197 đồng (số lượng căn hộ tính hoa hồng là 472 căn, giai đoạn khách hàng ký hợp đồng đặt cọc).

Tổng số tiền hoa hồng phải trả cho bà T là 2.919.340.310 đồng. Tổng cộng Công ty V phải trả cho bà T là: $1.964.067.000 + 2.919.340.310 = 4.883.407.310 \text{ đồng}$.

Trong trường hợp bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực mà Công ty V vẫn không chịu thanh toán tiền cho bà T thì Công ty V còn phải chịu thêm lãi chậm thanh toán trên số tiền phải trả cho bà T trên toàn bộ số tiền chậm trả, tính từ ngày bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực cho đến ngày thanh toán thực tế với mức lãi suất là 20%/năm và bà T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản của Công ty V để thi hành án.

Quá trình tham gia tổ tụng sơ thẩm, bị đơn Công ty V do người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Nguyễn Hoàng B trình bày:

Ngày 01/7/2018, bà Trịnh Ngô Tuyết T có ký hợp đồng lao động số 61/2018/EC với Công ty V, thời hạn của hợp đồng lao động là 03 năm (hết ngày 30/06/2021), chức danh: Trưởng phòng kinh doanh; Mức lương căn bản: 60.500.000 đồng/tháng. Ngày 09/01/2019, hai bên ký phục lục hợp đồng số PL-00061/2018/EC điều chỉnh mức lương cơ bản là 65.340.000 đồng.

Trong quá trình làm việc, bà T thường xuyên vi phạm các nội quy của Công ty V, như đi làm và tan làm không đúng giờ giấc, tự ý nghỉ việc nhiều ngày mà không thông báo, cũng như xin phép ý kiến cấp trên, không tham gia các buổi họp vào tháng 7, tháng 8 năm 2019 quy định tại nội quy lao động Công ty. Với các sai phạm trên lẽ ra Công ty đã sa thải bà T nhưng do muốn bảo vệ danh dự, tiền đồ cho người lao động nên Công ty đã không sa thải người lao động.

Đồng thời, lúc công ty tuyển bà T vào làm việc là liên quan đến dự án mà công ty đang thực hiện vì vậy vào thời điểm công ty cho bà T nghỉ việc dự án công ty đang thực hiện chưa được sự chấp thuận của Sở Xây dựng cho phép mở bán, thời điểm này trên thị trường bất động sản tất cả các dự án xây dựng đều đang bị thanh tra chính phủ nên công ty không biết được dự án của công ty khi nào được cho phép mở bán không, công ty không biết khi nào dự án mới tiếp tục được thực hiện nên mới phải cho bà T nghỉ việc và trước khi tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động, công ty đã gặp người lao động để trao đổi về việc chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đạt được thỏa thuận.

Do đó, căn cứ vào Hợp đồng lao động đã ký giữa hai bên, Công ty đã cho bà T nghỉ việc và đã thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định cho bà T 961.584.400 đồng. Sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bà T đã nhận 640.850.000 đồng. Đối với tiền hoa hồng, Công ty V không ký bất kỳ tài liệu nào với bà T liên quan đến hoa hồng nên theo hợp đồng lao động đã ký kết Công ty V chỉ có nghĩa vụ trả lương hàng tháng và lương thứ 13, thưởng năng lực theo chính sách của Công ty đối với bà T.

Các khoản tiền hoa hồng mà Công ty đã thanh toán cho bà T trước đây là khoản thưởng năng lực theo chính sách của Công ty đối với nhân viên kinh doanh với từng công việc cụ thể đã thực hiện xong. Đây là chính sách riêng của

Công ty, Công ty không ký kết bất kỳ văn bản mang tính ràng buộc pháp lý với người lao động và chính sách thưởng thuộc bí mật kinh doanh của Công ty quy định tại mục 6.11 chương 6 Sổ tay nhân viên. Mỗi lần chi trả Công ty tự đánh giá khả năng hoàn thành công việc của nhân viên và thanh toán khoản này sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân có liên quan.

Công ty đã xem xét và chi trả toàn bộ các khoản thưởng (tiền hoa hồng) mà bà T được hưởng 667.554.400 đồng vào tháng 8 năm 2019 và sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân bà T đã nhận số tiền là 640.805.000 đồng theo bảng quyết toán tháng 8/2019 và giấy báo nợ ngày 28/8/2019 của ngân hàng VietinBank.

Vì vậy, Công ty không đồng ý với tất cả các yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đưa ra.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 22/2021/LĐ-ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Áp dụng:

Điểm a, b, d khoản 1, khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 15, 17, 19, 25; 48, 49, 104 Bộ luật Lao động năm 2012.

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Luật án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn:

- Bồi thường cho nguyên đơn do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với tổng số tiền là 1.964.067.000 đồng.

- Thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền hoa hồng còn chưa thanh toán đủ với tổng số tiền là 2.919.340.310 đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng lao động số 00061/2018/EC ngày 01/7/2018 được ký kết giữa bà Trịnh Ngô Tuyết T và Công ty V.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bị đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận đòi bị đơn thanh toán khoản tiền hoa hồng còn nợ là 44.919.340 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.464.670 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005943 ngày 12/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T còn phải nộp 22.454.670 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/4/2021, nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 04/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2021 đối với Bản án số 22/2021/LĐ-ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Kháng nghị một phần Bản án số 22/2021/LĐ-ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm – Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 quyết định: Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 22/2021/LĐ-ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Ngô Tuyết T về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Đề Vương bồi thường cho bà T về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật của Công ty V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T có người đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Thị Hà T2 và bị đơn Công ty V có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Nguyễn Hoàng B thống nhất cùng thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

- Công ty V đồng ý bồi thường cho bà Trịnh Ngô Tuyết T số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 27 tháng 01 năm 2022.

- Trước khi bồi thường số tiền trên, Công ty V sẽ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật (là 10% (Mười phần trăm)) và cung cấp chứng từ khấu trừ thuế (là 10% (Mười phần trăm)) để bà Trịnh Ngô Tuyết T làm thủ tục quyết toán thuế.

- Công ty V sẽ chi trả cho bà Trịnh Ngô Tuyết T vào số tài khoản: 19021673891010 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh P.

- Về án phí sẽ do Công ty V chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Các bên không có bất kỳ yêu cầu liên quan nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/5/2021. Vì vậy, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án lao động sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T khởi kiện yêu cầu Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Căn cứ khoản 5 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Kháng cáo của nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã trình bày ở phần trên. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Do đó, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa bản án lao động sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Công ty V đồng ý bồi thường cho bà Trịnh Ngô Tuyết T số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 27 tháng 01 năm 2022.

- Trước khi bồi thường số tiền trên, Công ty V sẽ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật (là 10% (Mười phần trăm)) và cung cấp chứng từ khấu trừ thuế (là 10% (Mười phần trăm)) để bà Trịnh Ngô Tuyết T làm thủ tục quyết toán thuế.

- Công ty V sẽ chi trả cho bà Trịnh Ngô Tuyết T vào số tài khoản: 19021673891010 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh P.

- Về án phí sẽ do Công ty V chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án lao động sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 289, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021.

[3] Về án phí:

- Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn là Công ty V phải chịu án phí sơ thẩm theo giá trị thỏa thuận tại Tòa án cấp phúc thẩm là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T đã nộp là 22.464.670 (Hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005943 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn là Công ty V phải chịu án phí phúc thẩm là 300.0000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 289; Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 15, 17, 19, 25, 48, 49, 104 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021.

2. Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 14/2019/LĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Công ty V đồng ý bồi thường cho bà Trịnh Ngô Tuyết T số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 27 tháng 01 năm 2022.

- Trước khi bồi thường số tiền trên, Công ty V sẽ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật (là 10% (Mười phần trăm)) và cung cấp chứng từ khấu trừ thuế (là 10% (Mười phần trăm)) để bà Trịnh Ngô Tuyết T làm thủ tục quyết toán thuế.

- Công ty V sẽ chi trả cho bà Trịnh Ngô Tuyết T vào số tài khoản: 19021673891010 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh P.

- Thời hạn Công ty V chi trả chậm nhất cho bà Trịnh Ngô Tuyết T là ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn Công ty V chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền bồi thường trên thì hàng tháng bị đơn Công ty V còn phải trả cho nguyên đơn bà Trịnh Ngô Tuyết T số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn là Công ty V phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm bà Trịnh Ngô Tuyết T đã nộp là 22.464.670 (Hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005943 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn là Công ty V phải chịu án phí phúc thẩm số tiền là 300.0000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hoa